

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VPC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01 ĐẾN NGÀY 31/03/2017

- Địa chỉ : 150 Đường 14/9, Phường 5, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 070 3822533      070 3822779      Fax : 070 3822129      070 3895238
- Website : [www.pharimexco.com.vn](http://www.pharimexco.com.vn)      E-mail : [pharimexco@hcm.vnn.vn](mailto:pharimexco@hcm.vnn.vn)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
QUÍ I NĂM 2017**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÍ I		LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÍ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	151.769.417.445	183.393.523.256	151.769.417.445	183.393.523.256
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	2.923.115.112	4.980.021.578	2.923.115.112	4.980.021.578
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>5.1</b>	<b>148.846.302.333</b>	<b>178.413.501.678</b>	<b>148.846.302.333</b>	<b>178.413.501.678</b>
Giá vốn hàng bán	11	5.2	96.706.100.172	122.205.466.429	96.706.100.172	122.205.466.429
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>52.140.202.161</b>	<b>56.208.035.249</b>	<b>52.140.202.161</b>	<b>56.208.035.249</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.673.898.709	2.760.965.497	3.673.898.709	2.760.965.497
Chi phí tài chính	22	5.4	3.992.736.320	2.468.122.196	3.992.736.320	2.468.122.196
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.961.321.326	2.252.622.139	3.961.321.326	2.252.622.139
Chi phí bán hàng	24	5.5	25.767.502.771	20.538.020.808	25.767.502.771	20.538.020.808
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	8.465.389.905	10.060.543.873	8.465.389.905	10.060.543.873
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>17.588.471.874</b>	<b>25.902.313.869</b>	<b>17.588.471.874</b>	<b>25.902.313.869</b>
Thu nhập khác	31		4.026.976.475	121.774.611	4.026.976.475	121.774.611
Chi phí khác	32		80.824.892	9.623.809	80.824.892	9.623.809
Lợi nhuận khác	40		3.946.151.583	112.150.802	3.946.151.583	112.150.802
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>21.534.623.457</b>	<b>26.014.464.671</b>	<b>21.534.623.457</b>	<b>26.014.464.671</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(5.564.922.963)	(6.045.535.699)	(5.564.922.963)	(6.045.535.699)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.171.621.725	555.671.016	1.171.621.725	555.671.016
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>17.141.322.219</b>	<b>20.524.599.988</b>	<b>17.141.322.219</b>	<b>20.524.599.988</b>

Vinh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2017

**TRƯỞNG TỊCH**  
  
**TRẦN QUỐC KHÁNH**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

  
**TRẦN HUỆ NGA**

**LẬP BẢNG**

  
**NGUYỄN LÂM MINH THƯƠNG**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>835.966.811.661</b>	<b>638.465.937.725</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	17.815.632.446	10.817.314.402
Tiền	111		17.815.632.446	10.817.314.402
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		383.428.353.563	206.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		383.428.353.563	206.000.000.000
Các khoản phải thu	130	4.2	230.049.646.761	233.306.483.747
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131		220.785.945.717	238.173.477.226
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.858.406.774	36.260.078.245
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		17.738.222.660	12.205.856.666
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(53.332.928.390)	(53.332.928.390)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
Hàng tồn kho	140	4.3	199.478.683.308	185.767.144.557
Hàng tồn kho	141		203.198.566.478	189.487.027.727
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.719.883.170)	(3.719.883.170)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.194.495.583	2.574.995.019
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.615.636.579	2.138.322.748
Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.247.335	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	4.4	1.534.611.669	436.672.271
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155	4.5		

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>238.846.078.601</b>	<b>208.535.762.678</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>177.437.813.365</b>	<b>178.960.231.652</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	156.071.463.279	157.566.326.506
Nguyên giá	222		459.940.384.964	456.426.760.496
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(303.868.921.685)	(298.860.433.990)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	21.366.350.086	21.393.905.146
Nguyên giá	228		21.709.689.227	21.709.689.227
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(343.339.141)	(315.784.081)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.031.942.260</b>	<b>59.270.000</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.031.942.260	59.270.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>48.603.131.579</b>	<b>20.100.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		39.610.942.304	11.107.810.725
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		(1.007.810.725)	(1.007.810.725)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.773.191.397</b>	<b>9.416.261.026</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		6.761.065.496	7.575.756.850
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.012.125.901	1.840.504.176
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.074.812.890.262</b>	<b>847.001.700.403</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>401.925.032.409</b>	<b>189.255.164.769</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>398.696.475.700</b>	<b>185.917.626.663</b>
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	4.10	31.803.225.876	24.375.970.495
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	39.179.472.209	3.445.627.561
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	5.951.922.964	21.078.823.399
Phải trả người lao động	314		7.710.274.840	13.010.384.755
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	10.815.664.638	4.898.834.478
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.315.057.672	1.397.914.599
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	298.740.602.191	116.142.152.628
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	4.15	3.180.255.310	1.567.918.748
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.228.556.709</b>	<b>3.337.538.106</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		3.228.556.709	3.337.538.106
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>672.887.857.853</b>	<b>657.746.535.634</b>
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	672.887.857.853	657.746.535.634
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		563.328.240.000	563.328.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		563.328.240.000	563.328.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421		109.539.451.003	94.398.128.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t	421a		92.398.128.784	4.626.186.946
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.141.322.219	89.771.941.838
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		20.166.850	20.166.850
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.074.812.890.262</b>	<b>847.001.700.403</b>

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2017

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LẬP BẢNG



TRINH QUỐC KHÁNH

*Trần Huệ Nga*

TRẦN HUỆ NGA

*Nguyễn Lâm Minh Thương*

NGUYỄN LÂM MINH THƯƠNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)**Đơn vị tính: Việt Nam đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Q1/Năm 2017	Q1/Năm 2016
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>21.534.623.457</b>	<b>26.014.464.671</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		5.036.042.755	4.934.080.786
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.449.800.861)	(2.760.965.497)
- Chi phí lãi vay	06		3.961.321.326	2.252.622.139
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>24.082.186.677</b>	<b>30.440.202.099</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.672.650.254	(24.780.183.393)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.711.538.751)	23.310.743.995
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		43.483.131.388	(7.288.380.060)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.431.454.478)	38.608.529
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.961.321.326)	(2.252.622.139)
- Tiền thuế TNDN đã nộp	15		(20.588.972.835)	(7.225.324.545)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(387.663.438)	(395.748.737)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>31.157.017.491</b>	<b>11.847.295.749</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.717.464.728)	(4.711.835.091)

2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2.818.498.000	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(227.428.353.563)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.503.131.579)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.302.861	2.760.965.497
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(206.757.149.009)</b>	<b>(1.950.869.594)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	345.642.693.162	113.250.192.246
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(163.044.243.599)	(127.568.039.643)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>182.598.449.563</b>	<b>(14.317.847.397)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>6.998.318.045</b>	<b>(4.421.421.242)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>10.817.314.401</b>	<b>12.803.690.521</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>17.815.632.446</b>	<b>8.382.269.279</b>

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2017

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LẬP BẢNG



TRINH QUỐC KHÁNH

*Trần Huệ Nga*

TRẦN HUỆ NGA

*Nguyễn Lâm Minh Thương*

NGUYỄN LÂM MINH THƯƠNG



Bảng thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 2314/QĐ.UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54.0.3.000021 (số mới 1500202535) ngày 9 tháng 11 năm 2004 và thay đổi lần 16 ngày 29 tháng 08 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DCL theo quyết định số 104/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 3 tháng 09 năm 2008.

Văn phòng và Nhà máy của Công ty được đặt tại số 150, đường 14/09, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Trong năm 2017, hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác.

Công ty có 15 chi nhánh bán hàng hạch toán phụ thuộc được đặt tại tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh thành khác.

Đến ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty có 7 công ty con (thuyết minh 4.9).

Đến ngày 31 tháng 03 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 965 người.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



### 3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Vào thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận như sau :

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10), tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại được ghi nhận như sau :
  - \* Đối với các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn : các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm mà được trình bày trong khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.
  - \* Đối với các khoản phải trả dài hạn : các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Trong năm tài chính 2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lựa chọn cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn trong Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

### 3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính.

Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 -05 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá gốc là toàn bộ chi phí mà Công ty chi trả để có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không trích khấu hao theo quy định hiện hành.

### 3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.8 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí thuê nhà, thuê kho chờ phân bổ.

### 3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.



**3.11 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**3.12 Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

**3.14 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong năm tài chính này, các công ty và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan :

**Công ty**  
Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm và trang thiết bị y tế (MSC)

**Địa điểm**  
Lào

**Quan hệ**  
Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mê Kông	Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Dược phẩm Benovas	Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Thiết bị Benovas	Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Thuốc Ung Thư Benovas	Việt Nam	Công ty con
Công ty CPDP Euvipharm - Thành viên tập đoàn F.I.T	Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Đầu tư F.I.T	Việt Nam	Công ty mẹ

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	248,475,158	278,716,659
- VND	248,475,158	278,716,659
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17,567,157,288	10,538,597,743
- VND	17,515,622,080	10,508,416,731
- Ngoại tệ	51,535,208	30,181,012
<b>Cộng</b>	<b>17,815,632,446</b>	<b>10,817,314,402</b>

**4.2 Các khoản phải thu của khách hàng**

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>208,690,729,135</b>	<b>222,246,456,181</b>
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16,428,897,499	16,428,897,499
Phải thu khách hàng khác	192,261,831,636	205,817,558,682
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>12,095,216,582</b>	<b>15,927,021,045</b>
- Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm và trang thiết bị y tế (MSC)	6,409,912,464	6,409,912,464
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mê Kông	836,578,371	836,578,371
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	4,848,725,747	5,110,383,378
- Công ty CP Dược phẩm Amigo Việt Nam	-	3,570,146,832
<b>Cộng</b>	<b>220,785,945,717</b>	<b>238,173,477,226</b>

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi	53,332,928,390	48,158,977,371
Dự phòng cho các khoản trả trước người bán	-	547,320,137
Dự phòng cho phải thu ngắn hạn khác	-	4,626,630,882
<b>Cộng</b>	<b>53,332,928,390</b>	<b>53,332,928,390</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau :

	Số kỳ này (từ 01/01 đến 31/03/2017) VND	Số kỳ trước (từ 01/01 đến 31/12/2016) VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>53,332,928,390</b>	<b>42,948,486,955</b>
Trích dự phòng trong kỳ	-	12,508,768,060
Hoàn nhập trong kỳ	-	(2,124,326,625)
Xử lý nợ khó đòi trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>53,332,928,390</b>	<b>53,332,928,390</b>

**4.3 Phải thu khác**

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>17,738,222,660</b>	<b>(4,626,630,882)</b>	<b>12,205,856,666</b>	<b>(4,626,630,882)</b>
Phải thu về cổ phần hóa	57,400,000	-	57,400,000	-
Phải thu người lao động	5,924,274,720	(710,286,453)	3,878,630,855	(710,286,453)
Ký cược, ký quỹ	34,790,320	-	34,790,320	-
Phải thu khác	11,721,757,620	(3,916,344,429)	8,235,035,491	(3,916,344,429)
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17,738,222,660</b>	<b>(4,626,630,882)</b>	<b>12,205,856,666</b>	<b>(4,626,630,882)</b>

**4.4 Hàng tồn kho**

	31/03/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	32,904,877,613	-
Nguyên liệu, vật liệu	94,717,628,274	2,071,198,426	66,861,531,045	2,071,198,426
Công cụ, dụng cụ	5,902,006,005	-	6,234,579,651	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9,727,966,594	-	15,793,445,193	-
Thành phẩm	89,274,888,701	1,476,028,874	64,802,047,850	1,476,028,874
Hàng hóa	3,576,076,904	172,655,870	2,890,546,375	172,655,870
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>203,198,566,478</b>	<b>3,719,883,170</b>	<b>189,487,027,727</b>	<b>3,719,883,170</b>

Tình hình tăng giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau :

	Số kỳ này (từ 01/01 đến 31/03/2017) VND	Số kỳ trước (từ 01/01 đến 31/12/2016) VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>3,719,883,170</b>	<b>5,220,227,197</b>
Trích dự phòng trong kỳ	-	964,158,726
Hoàn nhập trong kỳ	-	(170,817,546)
Xử lý dự phòng hàng tồn kho trong kỳ	-	(2,293,685,207)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3,719,883,170</b>	<b>3,719,883,170</b>



**4.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Công trình	Số dư đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm khác VND	Số dư cuối năm VND
Chi phí chuyên gia kiểm định NM theo tiêu chuẩn EU-GMP, chi phí xây dựng nhà máy Capsule 3	59,270,000	2,977,672,260	5,000,000	3,031,942,260
	<b>59,270,000</b>	<b>2,977,672,260</b>	<b>5,000,000</b>	<b>3,031,942,260</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

4.6 Tăng giảm tài sản tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2017	88,428,257,305	345,010,846,532	20,472,946,478	2,416,184,726	98,525,455	456,426,760,496
- Mua trong năm	794,590,000	2,379,401,195	-	339,633,273	-	3,513,624,468
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-	-
- Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2017</b>	<b>89,222,847,305</b>	<b>347,390,247,727</b>	<b>20,472,946,478</b>	<b>2,755,817,999</b>	<b>98,525,455</b>	<b>459,940,384,964</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2017	33,271,417,494	254,337,084,828	9,799,014,760	1,406,511,418	46,405,490	298,860,433,990
- Khấu hao trong năm	744,057,365	3,793,161,941	434,746,290	36,522,099	-	5,008,487,695
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2017</b>	<b>34,015,474,859</b>	<b>258,130,246,769</b>	<b>10,233,761,050</b>	<b>1,443,033,517</b>	<b>46,405,490</b>	<b>303,868,921,685</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2017	55,156,839,811	90,673,761,704	10,673,931,718	1,009,673,308	52,119,965	157,566,326,506
Tại ngày 31/03/2017	55,207,372,446	89,260,000,958	10,239,185,428	1,312,784,482	52,119,965	156,071,463,279

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 với giá trị là: 106.710.007.639 VND (tại ngày 31/12/2015 là 85.621.630.673 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

**4.7 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2017	20,151,092,527	1,558,596,700	21,709,689,227
- Tăng trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2017	20,151,092,527	1,558,596,700	21,709,689,227
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2017	-	315,784,081	315,784,081
- Khấu hao trong năm	-	27,555,060	27,555,060
Số dư tại ngày 31/03/2017	-	343,339,141	343,339,141
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	20,151,092,527	1,242,812,619	21,393,905,146
Tại ngày 31/03/2017	20,151,092,527	1,215,257,559	21,366,350,086

**4.8 Chi phí trả trước**

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a/ Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2,770,376,579	2,095,347,748
Chi phí thuê kho, thuê bằng dược sĩ	845,260,000	42,975,000
	<b>3,615,636,579</b>	<b>2,138,322,748</b>
<b>b/ Dài hạn</b>		
Chi phí bảo trì cải tạo nhà máy, vật tư sử dụng trên 1 năm	6,761,065,496	7,575,756,850
	<b>10,376,702,075</b>	<b>9,714,079,598</b>

**4.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty liên doanh sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm và trang thiết bị y tế (MSC)	(i) 1.007.810.725	1.007.810.725
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mêkông	(ii) 100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	(iii) 10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Benovas	(iv) 28.500.000.000	-
Công ty CP Thiết bị y tế Benovas	(v) -	-
Công ty CPDP Euvipharm - Thành viên tập đoàn F.I.T	(vi) 3.131.579	-
	<b>39,610,942,304</b>	<b>11.107.810.725</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.007.810.725)	(1.007.810.725)
	<b>38,603,131,579</b>	<b>10.100.000.000</b>

**Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/03/2017 như sau:**

	31/03/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Cty LD SXKD, XNK DP và TTBYT	51.00%	51.00%	51.00%	51.00%
Cty TNHH MTV DP Mê Kông	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
Cty TNHH MTV DP VPC-Sài Gòn	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
Cty CPDP Benovos	95.00%	95.00%	95.00%	95.00%
Cty CP Thiết bị y tế Benovos	95.00%	95.00%	95.00%	95.00%
Cty CPDP Euvipharm - Thành viên tập đoàn F.I.T	90.00%	90.00%		
Cty CP Thuốc ung thư Benovos	55.00%	55.00%		

- (i) Công ty Liên doanh SX KD, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế ("MSC") là công ty con trên cơ sở liên doanh giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Lao Medical Services Co.,Ltd. MSC được thành lập ngày 29/12/2003, có trụ sở tại số 11 Đường Lanexang, Bản Hatsady, Quận Chanthabory, Lào, hoạt động chính là giới thiệu thuốc.
- (ii) Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mê Kông ("DPM") là công ty TNHH MTV được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500663423 ngày 07/01/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp. Hoạt động chính của DPM là kinh doanh dược phẩm, capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bảo chế khác.
- (iii) Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC – Sài Gòn ("VPC") là công ty TNHH MTV được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311124093 ngày 06/9/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của VPC là kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế. Tại ngày 31/03/2017, Công ty đã góp vốn đầy đủ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh vào VPC.
- (iv) Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovos ("Benovos Pharma") là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314033736 ngày 27/9/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của Benovos Pharma là kinh doanh dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, dược liệu, nguyên phụ liệu... Tại ngày 31/03/2017, Công ty đã góp vốn đầy đủ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh vào Benovos Pharma.
- (v) Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovos ("Benovos MeDevices") là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1501057104 ngày 27/9/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp. Hoạt động chính của Benovos MeDevices là sản xuất và kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế... Tại ngày 31/03/2017, Công ty vẫn chưa thực hiện thủ tục góp vốn vào Benovos MeDevices cũng chưa bắt đầu đi vào hoạt động.
- (vi) Công ty Cổ phần Thuốc Ung Thư Benovos ("Benovos Oncology") là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107753133 ngày 08/03/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh TP Hà Nội cấp. Hoạt động chính của Benovos Oncology là sản xuất và kinh doanh thuốc ung thư. Tại ngày 31/03/2017, Công ty vẫn chưa thực hiện thủ tục góp vốn vào Benovos Oncology cũng chưa bắt đầu đi vào hoạt động.
- (vii) Công ty Cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn FIT là công ty Cổ phần được Công ty TNHH MTV DP VPC - Sài Gòn mua lại theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

1100670578 ngày 19/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp. Hoạt động chính của Euvipharm là sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Tại ngày 31/03/2017, Công ty TNHH MTV DP VPC - Sài Gòn đã nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 90%

**4.10 Vay và nợ thuê tài chính**

	Số dư đầu kỳ	Có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối kỳ	Có khả năng trả nợ
	VND		VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>116,142,152,628</b>	<b>116,142,152,628</b>	<b>345,642,693,162</b>	<b>163,044,243,599</b>	<b>298,740,602,191</b>	<b>298,740,602,191</b>
NH BIDV VL	19,472,795,837	19,472,795,837	139,406,138,504	76,920,008,051	81,958,926,290	81,958,926,290
NH VCB VL	32,291,691,513	32,291,691,513	152,944,710,008	46,298,403,420	138,937,998,101	138,937,998,101
NH Quân đội Cần Thơ	41,446,043,766	41,446,043,766	26,883,799,430	23,973,604,216	44,356,238,980	44,356,238,980
NH Vietinbank Cần Thơ	22,931,621,512	22,931,621,512	26,408,045,220	15,852,227,912	33,487,438,820	33,487,438,820
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Hạn mức tín dụng	Lãi suất	Bảo đảm vay	Số dư ngày 31/03/2017
	VND	Vay/năm		Tương đương VND
BIDV - CN Vĩnh Long	40,000,000,000	6.0% (kỳ hạn 5 tháng)	Tín chấp	81,958,926,290
VCB - CN Vĩnh Long	40,000,000,000	5.8% (kỳ hạn 5 tháng)	Tín chấp	138,937,998,101
MB - CN Cần Thơ	80,000,000,000	6.0% (kỳ hạn 5 tháng)	Tín chấp	44,356,238,980
Công thương Cần Thơ	50,000,000,000	5.2% (kỳ hạn 6 tháng)	Tín chấp	33,487,438,820
				<b>298,740,602,191</b>

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay số 01/2017/742762/HĐTD ngày 05 tháng 01 năm 2017, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho kinh doanh dược, bảo lãnh, mở LC; với hạn mức vay là 40 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với lãi suất vay theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay số 32/HĐHM-VLO.KH ngày 18 tháng 08 năm 2016, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; với hạn mức vay là 40 tỷ VND, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ, với lãi suất vay 6%/năm và thay đổi theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng vay số 2032.17.451.345764.TD ngày 10 tháng 03 năm 2017, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho kinh doanh dược, bảo lãnh, mở LC; với hạn mức vay là 80 tỷ VND, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ, với lãi suất vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Cần Thơ theo các hợp đồng: Hợp đồng vay số 50/2017-HĐTDHM/NHCT820 ngày 01/03/2017 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

**4.11 Phải trả người bán**

	31/03/2017	1/1/2017
	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>3,463,914,982</b>	<b>200,000,000</b>
Cty TNHH XNK & TM F.I.T Việt Nam	218,199,782	-
Công ty CP Đầu tư F.I.T	3,245,715,200	200,000,000
<b>b. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác</b>	<b>28,339,310,894</b>	<b>24,175,970,495</b>
Cty TNHH TM SX Oai Hùng TPHCM	3,120,208,054	3,749,284,557
Công ty Nitta (Nhật Bản)	3,695,220,000	3,828,720,000
Ishane International PVT Limited - India	-	2,643,640,000
Phải trả các đối tượng khác	21,523,882,840	13,954,325,938
<b>Tổng cộng</b>	<b>31,803,225,876</b>	<b>24,375,970,495</b>

**4.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**a. Phải thu**

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1,147,026,687	-
Thuế nhập khẩu nộp thừa	387,584,982	436,672,271
	<b>1,534,611,669</b>	<b>436,672,271</b>

**b. Phải nộp**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	489,850,563	1,382,788,149	1,872,638,712	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20,588,972,836	5,564,922,963	20,588,972,835	5,564,922,964
Thuế thu nhập cá nhân	-	971,317,620	971,317,620	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	387,000,000	-	387,000,000
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	17,500,000	17,500,000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21,078,823,399</b>	<b>8,323,528,732</b>	<b>23,450,429,167</b>	<b>5,951,922,964</b>

**4.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	90,302,897	90,302,897
Chi phí hỗ trợ bán hàng cho VPC_bên liên quan	696,094,006	773,748,836
Chi phí thuê quầy	-	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng đối tượng khác	7,380,938,974	1,861,440,022
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	808,282,491	557,000,000
Chi phí phải trả khác	1,840,046,270	1,616,342,723
<b>Cộng</b>	<b>10,815,664,638</b>	<b>4,898,834,478</b>

**4.14 Các khoản phải trả khác**

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	172,739,856	172,739,856
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	35,606,760	168,723,548
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1,106,711,056	1,056,451,195
<b>Cộng</b>	<b>1,315,057,672</b>	<b>1,397,914,599</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,228,556,709	3,337,538,106
<b>Cộng</b>	<b>3,228,556,709</b>	<b>3,337,538,106</b>

Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác phản ánh khoản trợ cấp thôi việc phải trả người lao động. Từ ngày 01/01/2015, Công ty tạm dừng trích trợ cấp thôi việc theo quyết định số 22/CTĐ ngày 01/01/2015 của tổng Giám đốc.

**4.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí phải trả	2,366,414,559	1,172,996,555
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	645,711,342	667,507,621
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
	<b>3,012,125,901</b>	<b>1,840,504,176</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

4.15 **Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCC	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	201,189,600,000	211,289,466,990	9,017,858,890	55,633,988,291	-	91,823,512,775	20,166,850	568,974,593,796
Phân loại lại theo Thông tư 200 trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	362,138,640,000	(211,289,466,990)	(9,017,858,890)	(55,633,988,291)	-	(86,197,325,829)	-	-
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	89,771,941,838	-	89,771,941,838
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	-	-	-	-	(1,000,000,000)	-	(1,000,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>563,328,240,000</b>	-	-	-	-	<b>94,398,128,784</b>	<b>20,166,850</b>	<b>657,746,535,634</b>
Phân loại lại theo Thông tư 200 trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm (i)	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	17,141,322,219	-	17,141,322,219
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (ii)	-	-	-	-	-	(2,000,000,000)	-	(2,000,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2017</b>	<b>563,328,240,000</b>	-	-	-	-	<b>109,539,451,003</b>	<b>20,166,850</b>	<b>672,887,857,853</b>

**Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

- (i) Công ty tăng vốn theo phương án phát hành thêm cổ phiếu thường:
- lần 01 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị Quyết số 01/NQ.ĐHCHĐ ngày 05/3/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Nghị quyết số 08/NQ.HĐQT ngày 23/3/2016 của Hội đồng quản trị và Quyết định số 200/QĐ-SGDHCM ngày 13/5/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 20.118.960 cổ phiếu tương đương tổng giá trị theo mệnh giá là 201.189.600.000 VND, từ nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm:
    - Thặng dư vốn cổ phần: 110.087.161.661 VND;
    - Quỹ đầu tư phát triển: 55.633.988.291 VND
    - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 35.468.450.048 VND.
  - lần 02 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị Quyết số 01/NQ.ĐHCHĐ ngày 05/3/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Nghị quyết số 15/NQ.HĐQT ngày 08/7/2016 của Hội đồng quản trị, với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 16.095.168 cổ phiếu tương đương tổng giá trị theo mệnh giá là 160.951.680.000 VND, từ nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm:
    - Thặng dư vốn cổ phần: 101.202.305.329 VND;
    - Vốn khác của chủ sở hữu: 9.017.858.890 VND;
    - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 50.731.515.781 VND.
- (ii) Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 với số tiền là 2.000.000.000 VND theo Nghị Quyết số 01/NQ.ĐHCHĐ ngày 25/02/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia lợi nhuận**

	31/03/2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp đầu kỳ	563.328.240.000	201.189.600.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	362.138.640.000
Vốn góp cuối kỳ	563.328.240.000	563.328.240.000

**Cổ phiếu**

**Cổ phiếu phổ thông**

	31/03/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.332.824	56.332.824
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.332.824	56.332.824
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.332.824	56.332.824
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND	10.000 VND

*Cổ phiếu ưu đãi: Không có*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 1/2017 VND	Quý 1/2016 VND
<b>a/ Doanh thu</b>	<b>143,645,881,125</b>	<b>167,117,926,240</b>
- Doanh thu bán thành phẩm	140,249,028,230	163,882,062,981
- Doanh thu bán hàng hóa	3,396,852,895	3,235,863,259
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

<i>b/ Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<b>8,123,536,320</b>	<b>16,275,597,016</b>
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mêkông		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	8,123,536,320	16,275,597,016
	<b>151,769,417,445</b>	<b>183,393,523,256</b>
<b>2/ Các khoản giảm trừ doanh thu :</b>	<b>(2,923,115,112)</b>	<b>(4,980,021,578)</b>
- Chiết khấu thương mại	(266,688,245)	(2,964,425,697)
- Hàng bán bị trả lại	(2,656,426,867)	(2,015,595,881)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>148,846,302,333</b>	<b>178,413,501,678</b>
<b>5.2 Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 1/2017</b>	<b>Quý 1/2016</b>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	93,492,600,585	119,456,315,273
Giá vốn hàng hóa đã bán	3,213,499,587	2,749,151,156
Giá vốn hàng hoá dịch vụ	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<b>96,706,100,172</b>	<b>122,205,466,429</b>
<b>5.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 1/2017</b>	<b>Quý 1/2016</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3,631,302,861	2,525,743,285
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42,595,848	235,222,212
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	<b>3,673,898,709</b>	<b>2,760,965,497</b>
<b>5.4 Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 1/2017</b>	<b>Quý 1/2016</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3,961,321,326	2,252,622,139
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31,414,994	215,500,057
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	-
	<b>3,992,736,320</b>	<b>2,468,122,196</b>
<b>5.5 Chi phí bán hàng</b>	<b>Quý 1/2017</b>	<b>Quý 1/2016</b>
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	7,370,084,721	6,805,421,984
Chi phí đồ dùng văn phòng	29,085,920	7,446,450
Chi phí khấu hao	466,599,772	465,038,978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,597,666,643	12,433,024,201
Chi phí bằng tiền khác	2,304,065,715	827,089,195
	<b>25,767,502,771</b>	<b>20,538,020,808</b>



**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3,876,805,961	3,619,685,650
Chi phí đồ dùng văn phòng	43,009,703	26,683,704
Chi phí khấu hao	258,697,374	248,996,524
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,548,592,998	582,526,360
Chi phí bằng tiền khác	738,283,869	5,582,651,635
	<b>8,465,389,905</b>	<b>10,060,543,873</b>

**5.7 Thu nhập khác**

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	-	-
Thu nhập từ bán phế liệu	-	6,000,000
Thu nhập từ xử lý các khoản nợ phải trả	-	-
Thanh lý tài sản	2,818,498,000	-
Thu nhập khác	1,208,478,475	115,774,611
	<b>4,026,976,475</b>	<b>121,774,611</b>

**5.8 Chi phí khác**

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Chi phí xử lý các khoản nợ phải thu	-	-
Chi phí khác	80,824,892	9,623,809
	<b>80,824,892</b>	<b>9,623,809</b>

**5.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94,288,760,886	87,704,587,239
Chi phí nhân công	21,881,287,670	20,606,916,074
Chi phí khấu hao TSCĐ	5,036,042,755	4,934,080,786
Chi phí bằng tiền khác	29,297,864,445	24,316,844,048
	<b>150,503,955,756</b>	<b>137,562,428,147</b>

**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,564,922,963	6,045,535,699
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1,171,621,725)	(555,671,016)
	<b>4,393,301,238</b>	<b>5,489,864,683</b>

## 7. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là ngành dược phẩm và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

### i. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Trên cơ sở này và các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công Ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	116,142,152,628	-	116,142,152,628
Phải trả người bán	25,432,421,690	-	25,432,421,690
Chi phí phải trả và phải nộp khác	4,898,834,478	-	4,898,834,478
<b>Cộng</b>	<b>146,473,408,796</b>	<b>-</b>	<b>146,473,408,796</b>

31/03/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	298,740,602,191	0	298,740,602,191
Phải trả người bán	29,594,472,930	0	29,594,472,930
Chi phí phải trả và phải nộp khác	10,815,664,638	0	10,815,664,638
<b>Cộng</b>	<b>339,150,739,759</b>	<b>-</b>	<b>339,150,739,759</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,817,314,402	-	10,817,314,402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194,425,381,237	-	194,425,381,237
Đầu tư tài chính ngắn hạn	206,000,000,000	10,000,000,000	216,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>411,242,695,639</b>	<b>10,000,000,000</b>	<b>421,242,695,639</b>

  

31/03/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,815,632,446	0	17,815,632,446
Phải thu khách hàng và phải thu khác	185,191,239,987	0	185,191,239,987
Đầu tư tài chính ngắn hạn	383,428,353,563	48,603,131,579	432,031,485,142
<b>Cộng</b>	<b>586,435,225,996</b>	<b>48,603,131,579</b>	<b>635,038,357,575</b>

**8. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,815,632,446	10,817,314,402	17,815,632,446	10,817,314,402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	185,191,239,987	194,425,381,237	185,191,239,987	194,425,381,237
Đầu tư tài chính ngắn hạn	432,031,485,142	216,000,000,000	432,031,485,142	216,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>635,038,357,575</b>	<b>421,242,695,639</b>	<b>635,038,357,575</b>	<b>421,242,695,639</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	298,740,602,191	116,142,152,628	298,740,602,191	116,142,152,628
Phải trả người bán	36,346,840,257	25,432,421,690	36,346,840,257	25,432,421,690
Chi phí phải trả và phải trả khác	10,815,664,638	4,898,834,478	10,815,664,638	4,898,834,478
<b>Cộng</b>	<b>345,903,107,086</b>	<b>146,473,408,796</b>	<b>345,903,107,086</b>	<b>146,473,408,796</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

**9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Thông tin liên quan**

*Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:*

Công ty liên quan	Quý 1/2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mêkông		

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mua hàng	-	-
Bán hàng	-	-
Hàng bán trả lại	-	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn		
Bán hàng	8,123,536,320	61,865,731,215
Hàng bán trả lại	369,464,655	1,578,309,187
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1,405,878,406	13,634,542,169
Chi phí thuê kho, khác	-	990,000,000
Công ty CPDP Euvipharm - Thành viên tập đoàn F.I.T		
Mua hàng	49,500,000	-
Bán hàng	-	-
Hàng bán trả lại	-	-

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả) VND
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mêkông	Phải thu - bán hàng	836,578,371
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Phải thu - bán hàng	4,848,725,747
Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm và trang thiết bị y tế (MSC)	Phải thu - bán hàng	6,409,912,464
Công ty CPDP Euvipharm - Thành viên tập đoàn F.I.T	Phải thu - bán hàng	92,047,772

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2017

**TUQ.TÔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**LẬP BẢNG**



**TRẦN QUỐC KHÁNH**

*Trần Huệ Nga*

**TRẦN HUỆ NGA**

*Nguyễn Lâm Minh Thương*

**NGUYỄN LÂM MINH THƯƠNG**